TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **07**/2023/DS-PT
Ngày 09/02/2023
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Ma Hồng Thắng

Các Thẩm phán: ông Hồ Hữu Việt, ông Nguyễn Đức Nam

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lương Thị Kiều Vân, TAND tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án phúc thẩm dân sự thụ lý số 42/2022/TLDS-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ông Trần Đình V (Trần Văn V, Trần Đình V)**, sinh năm 1952; Địa chỉ: địa chỉ: Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang (Đã chết năm 2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Chị Trần Thị H (Trần Thị Thu H), sinh năm 1979; Địa chỉ: Đội 2, thôn M. Kh, xã Đ. Th, huyện A. D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Trần Thị T.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Ph. Ch, xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2023; có mặt.

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1986; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh Trần Văn V, sinh năm 1982; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N. T, xã M. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: **Ông Nguyễn Đình Kh**, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa liên quan:***

- Ủy ban nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Tổ dân phố V. Q, thị trấn V. L, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh Q, sinh năm 1980 -Trưởng Phòng Tài nguyên môi trường huyện Ch. H*;* có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C - chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Việt S - Công chức địa chính xây dựng UBND xã V. Q, huyện Ch. H*;* có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lương Thị D, sinh năm 1963; - Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1960; - Bà Tạ Thị P, sinh năm 1964; - Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1952; - Bà Trần Thị R, sinh năm 1953; - Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; - Chị Dương Thị D, sinh năm 1984; - Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; - Chị Ma Thị Kh, sinh năm 1980; - Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1959; - Bà Đặng Thị Ph (Đặng Thị Ph); sinh năm 1963; - Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960; - Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; - Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992; - Anh Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1985; - Chị Trương Thị K, sinh năm 1991; - Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1958; Cùng địa chỉ: Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang (*đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do).*

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Thu H người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và bà Trần Thị T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Đình V trình bày: Ông V có thửa đất được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 30/12/1996 số 000910, thửa đất số 59, tờ bản đồ 20, diện tích 2.905m^2, hiện trạng thửa đất của ông V có con đường đi rộng 03m chạy suốt thửa đất với diện tích đất 367,25m^2. Sau khi được giao đất ông đi làm ăn xa nên ông Nguyễn Đình Kh đã lấn chiếm con đường này. Đến năm 1998 cho ông Nguyễn Văn Tr thuê 02 đợt là 06 năm, lúc hết hợp đồng thuê thì con gái ông là Trần Thị H sử dụng canh tác, ông đề nghị ông Nguyễn Đình Kh trả lại con đường trên.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Đình V và người thừa kế quyền và nghĩa vụ Trần Thị Thu H) trình bày: Khoảng năm 1978, ông V khai phá diện tích đất đang tranh chấp giữa ông V và ông M tại Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H. Sau đó Hợp tác xã quy hoạch thu hồi diện tích đất này chia cho các hộ dân. Theo bà T thì năm 1994 thời điểm chia đất cho ông V thì ông V đã ly hôn với bà Na và được chia 4.000m^2 đất, đến ngày 30/12/1996 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000910 trong đó có thửa đất số 59, tờ bản đồ 20, diện tích 2.905m^2.

Khoảng năm 1994 ông V có bán ngôi nhà gỗ cho ông Nguyễn Văn Ch, ngôi nhà được dựng tại thửa đất giáp ranh với diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông V và ông M. Ông V bán nhà, không bán đất cho ông Ch, sau này Nhà nước thu hồi diện tích đất này và cấp cho ông Ch. Tại diện tích đất mà ông Ch được cấp đất có 01 (một) con đường mòn mà dân dùng để đi vào sản xuất, sử dụng từ khoảng năm 1978, hiện nay người dân đã không còn sử dụng (vì đã chặn lối đi này). Theo quan điểm của bà thì diện tích con đường mòn cũ này không nằm trong phần diện tích đất nhà ông Ch được cấp, cũng không nằm trong diện tích đất của ông Trần Đình V (Trần Đình V). Đối với con đường mòn cũ này có giáp với phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông V và ông M.

Đối với diện tích đất đang có tranh chấp giữa ông V và ông M chính là con đường giáp ranh diện tích đất của hộ ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Đình Kh *(là những người thực tế đang sử dụng đất tại Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H, có diện tích đất giáp ranh với diện tích đất đang có tranh chấp)*. Bà xác định con đường đang có tranh chấp này là do ông Nguyễn Đình Kh tự mở, một mình ông M sử dụng con đường này, không ai sử dụng con đường. Tại diện tích đất đang có tranh chấp không có tài sản gì gắn liền với đất nên bà không yêu cầu ông M bồi thường tài sản gì gắn liền trên đất. Theo như bà biết thì con đường đang có tranh chấp không được cấp vào diện tích đất của nhà ông Nguyễn Đình Kh. Năm 2020 ông V chết, con gái ông V là Trần Thị Thu H ủy quyền cho bà tham gia tố tụng yêu cầu ông M trả lại diện tích đất trên. Nay bà chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Đình Kh buộc có trách nhiệm trả lại diện tích đất tranh chấp là con đường cho ông Trần Đình V (Trần Đình V), ngoài ra không yêu cầu ai khác trả lại diện tích đất nêu trên.

Đối với việc đo đạc các diện tích đất khác để giải quyết vụ án được triệt để thì do bà không đề nghị nên bà không nộp chi phí đo đạc.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình Kh trình bày: Năm 1966 gia đình ông lên khai hoang và sinh sống tại khu đất đang có tranh chấp từ năm 1980 đến năm 1987 thì chuyển ra mặt đường ở, con đường ông V khởi kiện yêu cầu ông M trả lại là con đường sản xuất của thôn, còn mảnh đất ở của gia đình ông V trước đây thì không ai ở. Đối với con đường sản xuất này ông khẳng định có từ những năm 1966 cho đến nay, khi nhà nước đo vẽ bản đồ 299 để cấp sổ đỏ đã nhầm lẫn không thể hiện con đường đó vào bản đồ. Ông M không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông V vì còn đường này dùng để đi lại sản xuất gồm nhiều hộ gia đình, không phải một mình gia đình ông sử dụng và ông M không được ai giao quản lý, sử dụng con đường này và không có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết và tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị D trình bày: Nhất trí với các ý kiến như bị đơn ông Nguyễn Đình Kh trình bày, không có ý kiến khác bổ sung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết và tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, bà Ma Thị Kh; ông Nguyễn Văn Gi, bà Đặng Thị Ph (Đặng Thị Ph); bà Nguyễn Thị A; ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Thủy; ông Nguyễn Đình Ch, bà Trương Thị K;

ông Nguyễn Văn G, bà Tạ Thị P; ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị D, ông Nguyễn Văn Ch, bà Trần Thị R và tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết và phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Ng trình bày: Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20 bản đồ dải thửa 299 tại Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H có từ trước khi ông Trần Đình V được giao đất năm 1996, hiện nay các hộ gia đình đang sử dụng con đường này để đi vào cạnh trên diện tích đất các gia đình đang sử dụng, từ trước đến nay chỉ sử dụng con đường này, không có ai tranh chấp, ngoài con đường này thì không có con đường nào đi vào diện tích đất của các hộ gia đình, đến năm 2018 ông V khởi kiện đòi diện tích con đường trên, tất cả mọi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (do bà T làm đại diện theo ủy quyền).

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã V. Q, huyện Ch. H (do ông Phạm Văn C làm đại diện theo pháp luật; người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Việt S) trình bày: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ lưu trữ tại UBND xã V. Q thì con đường đang tranh chấp giữa ông Trần Đình V với ông Nguyên Đình Hương có từ khoảng năm 1989, 1990 để cho nhân dân đi lại, vận chuyển nông sản (kéo sả) và lấy nước sinh hoạt, diện tích đất này không được giao cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng. Việc ông V đòi lại con đường này, ý kiến của UBND xã V. Q là không giao cho các ông Trần Đình V, Nguyễn Đình Kh sử dụng riêng mà giữ nguyên hiện trạng con đường để làm đường đi chung cho nhân dân đi lại phục vụ sản xuất, do UBND xã V. Q quản lý. Bản đồ giải thửa 299, đo đạc từ năm 1987, có một số con đường sản xuất không thể hiện trên bản đồ, trong đó có khu vực Thẻo Mèo và khu vực đất đang có tranh chấp. Ngoài con đường đang có tranh chấp thì không còn con đường nào khác để đi vào các thửa đất của các hộ gia đình ở khu vực bên trong.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Tổ dân phố V. Q, thị trấn V. L, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh Q - Trưởng Phòng Tài nguyên môi trường huyện Ch. H trình bày: Qua kiểm tra thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000910 ngày 30/12/1996 và xem xét hiện trạng diện tích đất có tranh chấp, UBND huyện thấy rằng: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000910 ngày 30/12/1996 do UBND huyện Ch. H cấp cho ông Trần Đình V (Trần Đình V) được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện (luật đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

Về việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H có nội dung kê khai chưa trung thực dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận chưa đúng về đối tượng, diện tích đất được cấp, hiện trạng và nguồn gốc sử dụng đất. Quá trình xác minh đã xác định được diện tích đất đang có tranh chấp có nguồn gốc là lối đi được các hộ dân sử dụng từ những năm 1966 đến nay, nhưng khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện Ch. H đã cấp quyền sử dụng cả diện tích đất đang có tranh chấp (lối đi chung) cho hộ gia đình ông Trần Đình V. Do vậy UBND huyện Ch. H sẽ có trách nhiệm chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất theo quy định tại điều 106 Luật Đất đai khi có yêu cầu. Về nội dung sai lệch tên gọi Trần Đình V tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000910 ngày 30/12/1996 của UBND huyện Ch. H và Trần Đình V tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất là cùng một người, UBND huyện Ch. H sẽ có trách nhiệm đính chính theo quy định.

Đối với quan điểm của nguyên đơn xác định diện tích đất đang có tranh chấp (lối đi) đã được cấp Giấy chứng nhận cho nguyên đơn ông Trần Đình V, tại bản đồ 299 không thể hiện có lối đi, do vậy diện tích đất đó thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Với tư cách là đại diện cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện xác định: Bản đồ 299 được lập ra dựa trên chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về Công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước. Còn nguồn gốc lối đi đã được các hộ dân sử dụng ổn định từ những năm 1966, 1967. Việc xác định quyền sử dụng đất là của ai không chỉ dựa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ 299 mà cần xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng, hiện trạng của diện tích đất đang có tranh chấp mới đảm bảo tính khách quan, chính xác về quyền lợi của các bên đương sự.

Quá trình giải quyết tại phiên tòa nguyên đơn (do bà Trần Thị T làm đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đình Ng, UBND xã V. Q, UBND huyện Ch. H có mặt tại phiên tòa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên quan điểm như biên bản lấy lời khai.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; không hòa giải được và đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số số 08/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 155, 157, 158, 163, 165, 166 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 5, 23, 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H do bà Trần Thị T làm đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình Kh trả lại diện tích đất đã lấn chiếm như bà T đã xác định. Giao cho UBND xã V. Q, huyện Ch. H tiếp tục quản lý diện tích đất đo đạc thực tế là 333,8m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q (Sơ đồ thẩm định ngày 18/11/2019 kèm theo).

Giữ nguyên ranh giới thửa đất diện tích thực tế khi đo đạc là 2.590,4m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đình V (Sơ đồ thẩm định ngày 18/11/2019 kèm theo.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, chị Trần Thị Thu H phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Chị H đã nộp 3.000.000đ tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá nay được chuyển thành tiền thẩm định, định giá (chị H đã nộp đủ).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0005547 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ch. H, nay được chuyển thành tiền án phí cho chị H.

Bị đơn Nguyễn Đình Kh không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H, đơn đề ngày 27/9/2022 có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, kháng cáo đối với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét xác minh để gia đình được thu hồi số diện tích đất đã và đang bị lấn chiếm là 333,8m^2 để toại nguyện theo đề nghị của gia đình. Theo số đo thực tế của bản án diện tích là: 2.590,4 m^2. Diện tích lấn chiếm làm đường đi là: 333,8m². Trong khi đó sổ đỏ được cấp là:2.905,0m² Tại phiên toà ngày 15/9/2022 ông Nguyễn Đình Kh không nhận lấn chiếm đất làm đường đang đi nữa. Hiện tại con đường đi cũ đã từ lâu gia đình ông Nguyễn Văn Ch đã trả lại cho tập thể để đi sử dụng. Theo quy hoạch bản đồ 299 không có đường đi qua đất. Đất đã sử dụng từ năm 1989 theo khoán 100, đến năm 1996 được cấp sổ đỏ, năm 2015 bị lấn chiếm tranh chấp từ đó đến nay. Đề nghị được phúc thẩm xem xét, xác minh để gia đình được thu hồi số diện tích đất đã và đang bị lấn chiếm là: 333,8 m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị T là đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H, giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông Nguyễn Đình Kh buộc ông M có trách nhiệm trả lại diện tích đất tranh chấp là con đường cho ông Trần Đình V (Trần Đình V) diện tích đất đo đạc thực tế là 333,8m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q (Sơ đồ thẩm định ngày 18/11/2019)

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Đình Kh có đơn xin xét xử vắng mặt và không nhất trí với kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H do bà Trần Thị T làm đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình Kh trả lại diện tích đất đã lấn chiếm như bà T đã xác định. Giao cho UBND xã V. Q, huyện Ch. H tiếp tục quản lý diện tích đất đo đạc thực tế là 333,8m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q (Sơ đồ thẩm định ngày 18/11/2019)

Giữ nguyên ranh giới thửa đất diện tích thực tế khi đo đạc là 2.590,4m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đình V (Sơ đồ thẩm định ngày 18/11/2019 kèm theo).

Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc chị Trần Thị Thu H là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn Nguyễn Đình Kh không phải nộp tiền án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H, Hội đồng xét xử xét thấy: Đơn kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H (do bà Trần Thị T làm đại diện theo ủy quyền) cho rằng: diện tích đất đường đi đã đo đạc thực tế là 333,8m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q thuộc diện tích đất của nguyên đơn ông Trần Đình V (Bố chị Trần Thị Thu H), đề nghị Tòa án phúc thẩm buộc ông Nguyễn Đình Kh trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 333,8m^2 (làm đường đi) cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: diện tích đất đo đạc thực tế là 333,8m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang là con đường đi chung cho nhân dân có

đất sản xuất trong khu vực đi lại phục vụ sản xuất, thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã V. Q, ông M là người thường xuyên đi lại qua con đường này nên chỉ tu bổ để đi lại chung, không hề giữ để sử dụng riêng, thực tế Ủy ban nhân dân xã V. Q đang quản lý. Tại cấp sơ thẩm đã xem xét, giao cho Uỷ ban nhân dân xã V. Q, huyện Ch. H tiếp tục quản lý diện tích đất đường đi đo đạc thực tế là 333,8m^2, do vậy, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc người khởi kiện (Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H không được chấp nhận nên chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST, ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H như sau:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn người thừa kế quyền và nghĩa vụ là chị Trần Thị Thu H - do bà Trần Thị T làm đại diện theo ủy quyền) về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình Kh trả lại diện tích đất đã lấn chiếm như bà T đã xác định. Giao cho UBND xã V. Q, huyện Ch. H tiếp tục quản lý diện tích đất đo đạc thực tế là 333,8m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 24, 23, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q (Sơ đồ thẩm định ngày 18/11/2019).

Giữ nguyên ranh giới thửa đất diện tích thực tế khi đo đạc là 2.590,4m^2 (giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 1) tại Thôn T. Q, xã V. Q đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đình V (Sơ đồ thẩm định ngày 18/11/2019 kèm theo).

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc chị Trần Thị Thu H người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Chị H đã nộp 3.000.000đ tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá nay được chuyển thành tiền thẩm định, định giá (chị H đã nộp đủ).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn (Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0005547 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ch. H, nay được chuyển thành tiền án phí cho chị H.

Bị đơn Nguyễn Đình Kh không phải nộp tiền án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005424 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch. H.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/02/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND h. Ch. H;
- CC.T.H.A.DS h. Ch. H;
- Các đương sự;
- VPTA(HCTP):
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Ma Hồng Thắng